

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HS-PT
Ngày 30-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Thạch.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Cao Huy Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 89/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo **Cao Thị D** do có Kháng nghị số 10/QĐ-VKSBD ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 107/2023/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng nghị: **Cao Thị D**, sinh năm 1987 tại tỉnh Sóc Trăng; đăng ký thường trú: **ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: số C khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Cao Đức T** sinh năm 1955 và bà **Nguyễn Thị Đ** (chết), bị cáo có 01 người con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 21/5/2022, ngày 18/4/2023 bị bắt tạm giam, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Thị D không có giấy phép lái xe mô tô Hạng A1. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 20/12/2021, khi đang ở phòng trọ địa chỉ **Khu dân cư D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương**, bị cáo sử dụng điện thoại di động lên mạng xã hội Facebook vào trang **Trung tâm S** đặt mua của 01 đối tượng (chưa rõ thông tin,

nhân thân lai lịch) 01 giấy phép lái xe mô tô Hạng A1 giả để sử dụng khi điều khiển xe mô tô với giá 1.300.000 đồng. Điều gửi thông tin cá nhân, chụp hình chứng minh nhân dân và chụp hình ảnh thẻ (3x4)cm của mình gửi cho đối tượng để làm giả.

Trưa ngày 30/12/2021, nhân viên giao hàng đến Công ty E, số 6, Khu công nghiệp V - Singapore thuộc phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương gặp D giao một bưu kiện bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô Hạng A1, 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô mang tên Cao Thị D đều là giả và D trả 1.300.000 đồng cho nhân viên giao hàng. Điều cất giấu giấy phép lái xe mô tô giả trong bóp để sử dụng khi tham gia giao thông, 02 loại giấy tờ còn lại để tại phòng trọ.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/01/2022, lực lượng Công an Đồn Khu công nghiệp V - Singapore nhận được thông tin từ người dân báo tin nên mời D về trụ sở để làm việc. Điều giao nộp 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô mang tên Cao Thị D và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng trong vụ án: 01 giấy phép lái xe (PET) số: 940219015280; 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe và 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô mang tên Cao Thị D.

Tại Bản kết luận giám định số 90/KL-KTHS ngày 01/3/2022 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: 01 giấy phép lái xe (PET) số: 940219015280, Hạng A1, họ tên: Cao Thị D, sinh năm 1987, nơi cư trú: N, TT. T, H. T, T. Sóc T1, đề ngày 10/10/2021 (ký hiệu A) là giả.

Tại Bản kết luận giám định số 106/KL-KTHS ngày 16/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự tỉnh K kết luận: Chữ ký và hình dấu tròn có nội dung “*TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI – SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI”, “*BỘ Y TẾ* BỆNH VIỆN GTVT- GIÁM ĐỊNH Y KHOA” trên tài liệu giấy khám sức khỏe của người lái xe và biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2023/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; Điều 54, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Cao Thị D phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt bị cáo Cao Thị D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/4/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2023/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố TA đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử theo hướng cho bị cáo **Cao Thị D** được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và xử phạt bị cáo **D** về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 với mức hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là nghiêm khắc. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức nhưng tài liệu bị cáo làm dùng để sử dụng cho bản thân, chưa sử dụng vào hành vi trái pháp luật nào khác, bản thân bị cáo có trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn đã ly hôn, một mình nuôi con và gửi tiền nuôi dưỡng cha ruột ở quê. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cùng điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo, đối chiếu quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục lao động nuôi dưỡng gia đình, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và pháp luật do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 10/QĐ-VKSBD ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, theo hướng cho bị cáo **Cao Thị D** được hưởng án treo

Bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo biết mình vi phạm pháp luật, bị cáo đã nhận ra lỗi lầm của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương làm trong thời hạn luật định nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố

và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo **D** không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **D** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Do nhu cầu sử dụng giấy phép lái xe Hạng A1 nên bị cáo cung cấp thông tin cá nhân của mình cho đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch, để làm giả hồ sơ giấy phép lái xe mô tô gồm 01 giấy phép lái xe mô tô Hạng A1, 01 giấy khám sức khỏe của người lái xe, 01 biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mô tô mang tên **Cao Thị D**. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức nhưng tài liệu bị cáo làm dùng để sử dụng cho bản thân, chưa sử dụng vào hành vi trái pháp luật nào khác, bản thân bị cáo có trình độ học vấn thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ly hôn một mình nuôi con và gửi tiền nuôi dưỡng cha đẻ ở quê. Khi Công an Đoàn Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore mời về trụ sở làm việc, bị cáo tự nguyện nộp các tài liệu giả nêu trên. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cùng điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018) hướng dẫn thi hành Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2023/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh Bình Dương cho bị cáo **D** hưởng án treo là phù nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 107/2023/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

Tuyên bố bị cáo **Cao Thị D** phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 341; Điều 54; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018) hướng dẫn thi hành Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo **Cao Thị D** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày xét xử phúc thẩm (ngày 30 tháng 6 năm 2023).

Căn cứ khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự : tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác

Giao bị cáo **Cao Thị D** cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Cao Thị D** không phải nộp.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương; 1
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương; 1
- TAND thành phố TA, tỉnh Bình Dương; 2
- VKSND thành phố TA, tỉnh Bình Dương; 1
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố TA, tỉnh Bình Dương; 1
- Bị cáo; 2
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TA, tỉnh Bình Dương; 1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Tổ Hành chính Tư pháp; 1
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự; 2

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Thạch

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;(1)
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;(1)
- TAND thành phố TA, tỉnh Bình Dương;(1)
- VKSND thành phố TA, tỉnh Bình Dương;(1)
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố TA, tỉnh Bình Dương;(2)
- Bị cáo;(1)
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TA; tỉnh Bình Dương;(1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;(1)
- Tổ Hành chính Tư pháp(2)
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Thạch

